

Nhận diện và tháo gỡ các rào cản để KTTN là một động lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam

PHẠM THỊ TÚY*

Sau hơn 30 năm đổi mới và mở cửa, đến nay vai trò của kinh tế tư nhân (KTTN) đã được sự ghi nhận, đã được coi là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Mặc dù vậy, để KTTN thực sự trở thành “một động lực quan trọng của nền kinh tế” là cả một hành trình không dễ dàng, bởi thực tế luôn cho thấy, cùng với những đổi thay trong nhận thức về KTTN, thì hiện nay, khu vực kinh tế này cũng đang phải đối diện với không ít rào cản. Vậy nên, để KTTN thực sự là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”, việc nhận diện và tháo gỡ những rào cản đang hiện hữu là vấn đề cấp thiết.

KTTN Ở VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Với bước tiến quan trọng trong tư duy của Đảng rằng: khu vực KTTN là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”, mà trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân (DNTN) phát triển. Nổi bật là Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/06/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa XII) về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH).

Cùng với đó, Quốc hội cũng đã thông qua nhiều dự luật hỗ trợ doanh nghiệp (DN), đặc biệt là Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chính phủ cũng ban hành nhiều nghị quyết nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN, bãi bỏ nhiều điều kiện kinh doanh, qua đó, cải thiện xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhờ đó, tính đến tháng 06/2019, cả nước có trên 730.000 DN đang hoạt động, trên 100.000 DN thành lập mới mỗi năm;

trong đó hơn 96% là DN nhỏ và vừa; hàng triệu hộ kinh doanh cá thể; đóng góp quan trọng trong thu hút lao động và tăng trưởng kinh tế trong các ngành, lĩnh vực. DNTN phát triển ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền với số lượng tăng lên nhanh chóng, tạo cơ sở vững chắc để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu DN; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu DN và đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu DN.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2016, khu vực KTTN hiện có khoảng 500 nghìn DN, chiếm gần 90% số DN của cả nước. Trong giai đoạn 2006-2015, so với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khu vực KTTN đóng góp hơn 40% GDP cả nước, 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 80% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ, 64% tổng lượng hàng hóa và 100% giá trị sản lượng hàng hóa vận chuyển. Trong thời gian tới, khu vực KTTN sẽ tiếp tục đóng góp khoảng 30% ngân sách và khoảng 40% GDP của cả nước.

Đặc biệt, khu vực KTTN thu hút khoảng 51% lực lượng lao động cả nước và tạo khoảng 1,2 triệu việc làm cho người lao động mỗi năm, góp phần quan trọng vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, tăng thu nhập cho người dân. Đặc biệt, khu vực này còn tạo việc làm mới cho những đối tượng bị giảm biên chế hoặc mất việc làm do quá trình tinh giản bộ máy hành chính, cổ phần hóa DN nhà nước hay dịch chuyển lao động từ khu vực nông thôn.

* PGS, TS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Mức thu nhập cho người lao động trong các DNTN được cải thiện đáng kể. Tính trung bình, mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động năm 2005 khoảng 25,4 triệu đồng/người, đã tăng 1,66 lần lên 42,3 triệu đồng/người vào năm 2014. Xét về cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, nguồn vốn tư nhân không chỉ luôn chiếm vị trí thứ 2 giữa 3 khu vực, mà còn có xu hướng tăng nhẹ từ mức 22% năm 2000 lên 38,4% năm 2014, trong khi khu vực FDI lại giảm rõ rệt từ mức cao nhất 30,9% năm 2008 về mức 21,7% năm 2014 và khu vực kinh tế nhà nước giảm từ 47% năm 2006 về khoảng 40% năm 2014. Ngay ở những giai đoạn kinh tế khó khăn (2008-2009 và 2011-2013), thì vốn đầu tư khu vực tư nhân vẫn tăng, cho thấy tính ổn định, bền vững của khu vực này.

Đặc biệt, sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (năm 2017), KTTN đã có bước phát triển mới cả về số lượng, chất lượng và có những đóng góp ngày càng tăng đối với sự phát triển của nền kinh tế và xã hội. Theo đó, số lượng DNTN tăng mạnh từ 655.000 của năm 2017 lên 730.000 năm 2018 và đạt hơn 743.000 DN vào cuối quý I/2019. Quy mô của nhiều DN ngày càng mở rộng, một số DN đạt tổng tài sản đến hàng trăm ngàn tỷ đồng và sử dụng hàng chục ngàn lao động. Khu vực KTTN hiện chiếm khoảng 40% GDP cả nước (Phạm Dương, 2019).

Như vậy, số liệu thống kê nêu trên là minh chứng khá rõ ràng chứng tỏ vai trò quan trọng, không thể thiếu của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, dù đang có sức vươn mạnh mẽ, song xét tổng thể, KTTN hiện đang tồn tại không ít những hạn chế, yếu kém: tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm trong những năm gần đây; xuất phát điểm phát triển và năng lực nội tại nhìn chung còn thấp, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ, cá thể. Phần lớn DNTN là các DN nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp và chậm đổi mới; trình độ quản trị, năng lực tài chính, năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh còn yếu kém; chủ yếu tham gia ở phân khúc thị trường có giá trị gia tăng thấp. Đặc biệt, khả năng liên kết với các thành phần kinh tế khác và tham gia chuỗi giá trị sản xuất trong nước, khu vực và toàn cầu còn nhiều hạn chế.

Trên thực tế, nhiều DNTN hoạt động thiếu ổn định, bền vững, thậm chí bị thua lỗ, giải thể, phá sản... Tình trạng vi phạm pháp luật, gian lận thương mại, trốn thuế, nợ thuế, cạnh tranh không lành mạnh, gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, không quan tâm bảo đảm lợi ích của người lao động diễn biến phức tạp, có nơi, có lúc rất nghiêm trọng.

NHẬN DIỆN CÁC RÀO CẢN ĐỐI VỚI KTTN HIỆN NAY

Nhóm các rào cản nội tại của khu vực KTTN

Nhóm các rào cản nội tại của khu vực KTTN có thể

liệt kê không ít, nhưng tựu chung gồm các rào cản căn bản, như sau:

(i) *Xuất phát điểm phát triển và năng lực nội tại của các chủ thể KTTN ở mức thấp*: Thực tế cho thấy, với xuất phát điểm nền kinh tế Việt Nam khi bước vào công cuộc đổi mới là thấp và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, theo đó, các chủ thể trong nền kinh tế nói chung, các chủ thể KTTN sẽ khó có tiềm lực mạnh. Hơn nữa, bản thân KTTN phát triển từ chỗ bị kỳ thị, coi nhẹ, cho đến được thừa nhận là “một trong những động lực” và đến nay “là một động lực quan trọng” để phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là một hành trình không ngắn và không dễ dàng để KTTN có thể lớn mạnh. Chính bởi vậy, mà khi được thừa nhận, xuất phát điểm của KTTN hiển hiện rõ là quy mô nhỏ, tài chính yếu, trình độ công nghệ thấp... Cụ thể, cho đến trước khi chính thức được coi là “một động lực quan trọng”, thì năm 2015, KTTN chiếm 39,21% GDP của cả nước; trong đó, hộ cá thể chiếm tới 31,33% GDP và các thành phần khác của KTTN chiếm 7,88% GDP. DNTN có quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm tới 97% tổng số DN của tư nhân. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân của các DN của tư nhân có chiều hướng giảm mạnh (giai đoạn 2007-2011: 34%), giai đoạn 2012-2015: 10%/năm) (Hà Minh, 2018).

Cũng chính bởi, quy mô nhỏ, tài chính yếu, trình độ công nghệ thấp, quản trị yếu... dẫn đến năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh còn yếu kém; chủ yếu tham gia ở phân khúc thị trường có giá trị gia tăng thấp. Vì vậy, nếu không cải thiện được năng lực nội tại, thì KTTN sẽ tiếp tục góp phần là điểm nghẽn lớn của nền kinh tế trong quá trình phát triển.

(ii) *Trình độ quản trị của các chủ thể KTTN hạn chế*: Có thể nói, do quy mô nhỏ, năng lực tài chính giới hạn..., nên phần lớn các chủ thể KTTN hình thành và phát triển dựa trên kinh nghiệm bản thân trong quản lý, điều hành hoạt động của công ty, DN. Cơ bản cũng với sự hình thành, phát triển của công ty, DN mà các ông chủ/bà chủ cũng tự tìm tòi/học hỏi thêm những kiến thức, kỹ năng quản lý, điều hành công ty, DN... Cũng vì vậy mà năng lực, trình độ quản trị của các chủ thể KTTN thực chất rất hạn chế

so với yêu cầu phát triển chung trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.

Cũng vì năng lực, trình độ quản trị hạn chế, mà năng lực cạnh tranh tuy đã được nâng cao, nhưng KTTN vẫn chưa sánh kịp một số nước trong khu vực, dù đã khá năng động trong kinh doanh, coi trọng đổi mới sáng tạo để tận dụng cơ hội của hội nhập sâu rộng với thế giới trong kỷ nguyên số của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0.

(iii) *Tâm nhìn và tư duy phát triển của các chủ thể thuộc khu vực KTTN mang tính chất manh mún:* Do xuất phát điểm thấp, năng lực nội tại hạn chế, mà phần lớn các chủ thể KTTN có những hạn chế trong tầm nhìn, tư duy phát triển. Chẳng hạn, cơ cấu ngành nghề của KTTN còn bất cập, khi có 81% tập trung vào lĩnh vực hoạt động thương mại, dịch vụ, trong khi chỉ có 1% đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Các DNTN được coi là lớn hiện nay chủ yếu hoạt động dựa vào khai thác đất đai, tài nguyên, KTTN phát triển còn yếu trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo... Trong khi đó, xem trên bình diện thế giới, với những nền kinh tế phát triển, với vai trò thực sự quan trọng, thì KTTN tập trung sản xuất, hoạt động trong các lĩnh vực, mà thế giới có nhu cầu lớn và thường xuyên, như: nông nghiệp, thực phẩm, hàng tiêu dùng, du lịch... thay vì chỉ chú trọng phục vụ các DN lớn khác như của Việt Nam (dưới dạng nhà cung cấp hoặc nhà thầu phụ với giá trị gia tăng thấp).

Ngoài ra, cũng vì hạn chế về tầm nhìn và tư duy phát triển, mà các KTTN đã chưa nhận thức một cách đúng đắn, đầy đủ về những "ưu tiên" của Nhà nước dành cho họ, mà có không ít trường hợp đã lạm dụng, lừa, lách dẫn đến vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh.

Bên cạnh đó, môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều hạn chế, tiềm ẩn rủi ro cao, thiếu sự an toàn và tính minh bạch trên thực tế, quyền tự do kinh doanh và quyền sở hữu tài sản, sự bình đẳng giữa KTTN và các thành phần kinh tế khác, nhất là trong cạnh tranh và tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực xã hội chưa được bảo đảm đầy đủ... Hiện trạng này cũng phần nào tác động làm méo mó tư duy phát triển của các chủ thể KTTN, gây cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế này.

Nhóm các rào cản thuộc chính sách đối với khu vực KTTN

Qua kiểm nghiệm thực tế, có thể xem xét rào cản thuộc chính sách cơ bản bao hàm từ hai khía cạnh hoặc là chính sách chưa sát thực, hoặc là thực thi chính sách chưa hỗ trợ cho các chủ thể kinh tế thuộc khu vực KTTN.

(i) Ở khía cạnh tính sát thực của chính sách:

Theo đánh giá chung, cùng với tiến trình đổi mới đất nước, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong hoàn thiện hệ thống thể chế và pháp luật: đã sửa đổi Hiến pháp, ban hành nhiều đạo luật từ Bộ luật Dân sự, đến các luật, như: Thương mại, Ngân hàng, Đầu tư, Doanh nghiệp... Tuy nhiên, đến nay, hệ thống thể chế và pháp luật của Việt Nam theo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vẫn còn chưa hoàn thiện và đầy đủ. Trong những năm qua, số lượng văn bản pháp luật tăng nhanh, trong khi chất lượng của nhiều văn bản chưa bảo đảm; việc lấy ý kiến công chúng tuy đã được cải thiện, nhưng chưa thực sự thay đổi về chất... Còn nhiều quy định chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, phức tạp và chồng chéo, dẫn tới tình trạng các cơ quan thừa hành và các DN lúng túng trong việc chấp hành luật.

Theo đó, môi trường pháp lý đối với khu vực KTTN chưa hoàn thiện, nhiều quy định chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, phức tạp và chồng chéo. Điều kiện thủ tục hành chính, thủ tục tiếp cận đất đai, thị trường tín dụng, cơ hội đầu tư rườm rà, cản trở khu vực KTTN phát triển. Chẳng hạn, chính sách thuế quá nhiều bất cập và có sự phân biệt đối xử giữa DN nhà nước và DNTN. Các DNTN còn bị đối xử thiếu công bằng. Một số chính sách quy định chỉ đề cập đến DN nhà nước mà chưa đề cập đến DNTN. Những quan điểm đánh giá về DNTN chưa khách quan, gây khó khăn, cản trở hoạt động kinh doanh của khu vực KTTN.

Ngoài những khó khăn về thể chế kinh tế, bộ máy hành chính chưa hiệu quả, thì thủ tục hành chính thiếu minh bạch và cơ chế trách nhiệm giải trình chưa hiệu quả, cũng như do thiếu thông tin thị trường, thiếu cơ hội tiếp cận kinh doanh, cơ hội tiếp cận đất đai, tiếp cận thông tin, chính sách, quy hoạch... Do đó, đã khiến nhiều DN tư nhân hoạt động thiếu bền vững, thậm chí bị thua lỗ, giải thể, phá sản...

(ii) *Ở khía cạnh thực thi chính sách, có thể dễ dàng nhận thấy các rào cản bao gồm:*

Một là, tình trạng "luật ống" hay "cài cắm" trong xây dựng luật là rào cản không nhỏ cho người dân nói chung và KTTN nói riêng.

Hiện nay, vẫn thực hiện việc giao dự thảo luật theo ngành/lĩnh vực chuyên môn "ngành nào làm dự thảo luật ngành ấy", mà thiếu cơ quan chuyên nghiệp giúp việc của Quốc hội (không chỉ là các Ủy ban) để hoàn thiện dự án Luật và giảm bớt tình trạng "Luật ống", thậm chí có tình trạng "cài cắm", gây khó khăn nhiều cho người dân và DN. Bởi, khi tự mình xây dựng Luật, tất yếu sẽ khó tránh khỏi tình trạng sẽ lựa để thuận lợi cho việc thực thi của ngành, giảm tính khách quan, công bằng, minh bạch đối với các chủ thể liên quan.

Điều đó dĩ nhiên sẽ gây khó không ít cho các chủ thể thực thi, trong đó có KTTN.

Hai là, việc tổ chức thực hiện kém cỏi với tình trạng “đùn đẩy trách nhiệm” hay “sách nhiễu” hoặc “một cửa nhiều ổ khóa” hình như là khá phổ biến... gây không ít khó khăn cho các chủ thể KTTN.

Đánh giá của các tổ chức quốc tế và thực tế hiện hữu cho thấy, việc tổ chức thực hiện chính sách ở Việt Nam là rất kém, vì một phần là bộ máy công kênh và phần kia là cứ trích dẫn Nghị quyết, nhưng chỉ trích dẫn những quy định “hợp ý” nhằm mang lại lợi ích cục bộ hoặc thuận lợi cho người quản lý, người đại diện Nhà nước thực thi công vụ. Đồng thời, sự phối hợp với nhau trong tổ chức, thực hiện ở nhiều cơ quan là rất kém, dẫn đến làm chậm các quá trình thủ tục, cũng bởi đó mà phát sinh tình trạng “hành chính nhũng nhiễu” hoặc “đùn đẩy trách nhiệm”, chờ chủ trương... Chẳng hạn, do phối hợp hệ thống, nên hải quan chưa cho hàng của DN “thông quan” vì vướng các quy định chuyên ngành; hay việc thực hiện chậm giải ngân đầu tư công là một ví dụ rất rõ.

Ba là, sự khác biệt giữa nói và làm, giữa Nghị quyết và thực tiễn cũng đang là rào cản đối với KTTN. Mặc dù thời gian qua, một số bộ, ngành đã có những cải cách tích cực về các quy định liên quan, như: thành lập DN, tiếp cận điện năng, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội... Nhưng thực tế cho thấy, vẫn còn khoảng cách lớn giữa quy định và thực thi các luật này. Ví dụ: Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2014 đã có nhiều cải cách, nhưng vẫn còn khá nhiều rào cản dưới luật gắn với các quy định về điều kiện kinh doanh như các “giấy phép con”. Trong số 5.826 điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với 267 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, thì có đến 2.833 điều kiện hiện đang được quy định tại các văn bản được ban hành không đúng thẩm quyền, bao gồm các văn bản được ban hành trước và sau khi Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (Nguyễn Hồng Sơn, 2018).

Vậy nên, trong công cuộc đổi mới đất nước, “Chính đốn Đảng” đang được thúc đẩy mạnh mẽ, nhằm khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”; khắc phục tình trạng khác biệt giữa nói và làm, giữa Nghị quyết và thực tiễn. Đồng thời, kiên quyết loại bỏ những bộ phận không muốn cải cách, vì muốn “ôm” cơ chế cũ cho dễ làm, khó có thể kiểm soát.

Bốn là, giữa chính sách và thực thi chính sách luôn là hàm chứa “khoảng trống vô hình” làm khó cho các DN. Đặc biệt là đối với các DN nhỏ và vừa, các DN này càng khó có khả năng tiếp cận nguồn vốn vay chính thức vì phần lớn mặt bằng sản xuất, máy móc trang thiết bị cơ bản là đi thuê. Trong khi đó, cơ cấu của tài sản thế chấp được yêu cầu trong hồ sơ xin vay vẫn là đất, nhà thuộc sở hữu của DN.

Nhóm các rào cản từ bối cảnh phát triển trong nước và quốc tế

(i) *Vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu quả quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế cũng là rào cản cho phát triển KTTN.* Thực tế cho thấy, hiệu quả thực hiện chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để phát triển KTTN chưa cao. Minh chứng rõ ràng cho nhận định này là hiện nay, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển KTTN, đặc biệt là hạ tầng giao thông và nguồn nhân lực. Thiếu vốn luôn là vấn đề thách thức lớn đối với các DNTN khi không có tài sản thế chấp để vay vốn hoặc tài sản thế chấp không minh bạch, đang tranh chấp; thiếu dự án khả thi.

(ii) *Rào cản liên quan đến sự bất bình đẳng trong cơ chế chính sách đối với khu vực KTTN trong tương quan so sánh với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực FDI.* Các DN nhà nước vẫn được hưởng nhiều ưu ái từ Nhà nước. Những ưu ái này gây méo mó thị trường, hậu quả là nguồn lực chưa được bố trí vào nơi sử dụng hiệu quả nhất. DN nhà nước ngoài ưu thế được cấp vốn từ ngân sách nhà nước vẫn được tạo điều kiện thuận lợi hơn nhiều so với DNTN trong việc tiếp nhận các nguồn vốn vay từ tổ chức tín dụng, ngân hàng; có ưu thế lớn hơn nhiều trong tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất, kinh doanh. DN nhà nước ở các lĩnh vực độc quyền nhà nước, như: điện, nước, xăng dầu, dịch vụ công ích thiết yếu, cơ chế định giá chưa theo cơ chế thị trường và tính minh bạch trong cơ chế giá còn thấp. Trong khi đó, khu vực KTTN trong nước lại chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ phía các DN nước ngoài trong bối cảnh hội nhập đang diễn ra mạnh mẽ.

(iii) *Rào cản liên quan đến hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.* Bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu vực KTTN còn nhiều bất cập, chưa thực sự hiệu quả và nặng về cơ chế xin - cho; có nơi chưa bảo đảm kỷ cương. Thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp; tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà, thiếu trách nhiệm, lạm dụng chức quyền, gây khó khăn cho DN vẫn khá phổ biến. Rào cản đó còn liên quan đến chi phí không chính thức. Việc phải trả các khoản chi phí không chính thức là một gánh nặng lớn, mà các DNTN đang phải chịu đựng.

Theo Bộ Chỉ số xếp hạng quản trị quốc gia của Ngân hàng Thế giới, chỉ số Hiệu quả chính quyền của Việt Nam mặc dù có sự cải thiện, nhưng vẫn luôn nằm dưới điểm trung bình của thế giới. Xét về tổng thể, Việt Nam vẫn xếp hạng dưới mức trung bình của thế giới về năng lực quản trị quốc gia.

(iv) Việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước cũng là một rào cản không nhỏ với KTTN. Nghĩa vụ với Nhà nước là trách nhiệm, mà các chủ thể không chối bỏ. Song, thực tế ở Việt Nam hiện nay cho thấy, các hoạt động kinh doanh và đầu tư đang chịu ảnh hưởng bởi nhiều các loại thuế: thuế thu nhập DN (CIT), thuế thu nhập với hoạt động chuyển nhượng vốn, thuế giá trị gia tăng (VAT), và thuế nhập khẩu. Ngoài ra, còn một số loại thuế có thể ảnh hưởng đến DN trong một số lĩnh vực. Cụ thể như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bất động sản, thuế xuất khẩu và thuế môi trường.

Trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản và giảm bớt áp lực về thuế cho DN, qua đó chi phí chính thức về thuế đối với DN đã cơ bản được cắt giảm. Tuy nhiên, chi phí phi chính thức gây ra bởi thủ tục hành chính thuế lại chính là rào cản lớn đối với DN. Khảo sát thực tế vẫn cho thấy, DN coi các khoản thuế và hệ thống thuế, hải quan là rào cản chính có xu hướng phải chi trả phi chính thức nhiều hơn cho cán bộ thuế và hải quan. Hơn nữa, việc đa số DN phải trả các khoản phí phi chính thức xác nhận việc trả các khoản phí phi chính thức giúp họ giải quyết được công việc như mong muốn cho thấy, DN coi việc “quà cáp” là giải pháp hiệu quả để vượt qua rào cản này...

(v) Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng là tất yếu, vừa đem đến cơ hội, song cũng là rào cản không nhỏ cho KTTN trong điều kiện xuất phát điểm và năng lực nội tại thấp.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM THÁO GỠ CÁC RÀO CẢN

Thứ nhất, bảo đảm sự thống nhất nhận thức về phát triển KTTN. Trên cơ sở đó, kiên quyết đồng nhất chủ trương, chính sách và thực thi chính sách trong sự đồng thuận cao từ “trên xuống dưới”, vì mục tiêu hỗ trợ tốt nhất, hiệu quả và hợp lý nhất cho KTTN để khu vực kinh tế này thực sự là “động lực quan trọng” của nền kinh tế.

Thứ hai, Chính phủ cần quyết liệt, triệt để trong việc loại bỏ các rào cản đối với phát triển KTTN. Trong đó, trước hết, ưu tiên việc tạo dựng một “sân chơi” thực sự công bằng, bình đẳng, nhất là trong tiếp cận thị trường và tiếp cận các nguồn lực cho đầu tư và kinh doanh của khu vực KTTN. Tiếp đến là cần đồng bộ hơn và thực chất hơn trong xử lý các rào cản về thủ tục hành chính, môi trường đầu tư và các thiết chế hỗ trợ. Việc xử lý này cần gắn với trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành và địa phương.

Thứ ba, mỗi chủ thể KTTN cần chủ động hơn nữa trong khắc phục những vấn đề nội tại, năng động, sáng tạo trong tư duy phát triển, sáng suốt trong lựa chọn định hướng chiến lược phát triển. Đồng thời, xây dựng văn hóa DN lành mạnh, chủ động trở thành một đội ngũ doanh nhân có trách nhiệm với xã hội, chấp nhận những chuẩn mực trong sạch, minh bạch, nói “không” với nạn hối lộ, tham nhũng, nhất là tham nhũng vặt trong kinh doanh.

Thứ tư, nền kinh tế đang chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, khác về chất và dựa nhiều hơn vào nâng cao năng suất và đổi mới sáng tạo. Theo đó, đòi hỏi cao hơn về năng lực quản trị và tăng cường trách nhiệm giải trình và xây dựng thiết chế chịu trách nhiệm của các chủ thể thực thi chính sách ở các cấp quản lý.

Thứ năm, trong bối cảnh thế giới hiện nay, khi quản lý vận hành đất nước nói chung, vận hành DN nói riêng cần tới một nền tảng công nghệ thông tin hữu hiệu. Qua đó, tạo điều kiện nhằm minh bạch thông tin, cơ hội tiếp cận thị trường, cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu... để từng bước hình thành các tập đoàn KTTN mạnh vươn tầm ra khu vực và thế giới. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/06/2017 về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*
2. Chính phủ (2017). *Nghị quyết số 98/NQ-CP, ngày 03/10/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*
3. Phạm Dương (2019). *KTTN là động lực quan trọng*, truy cập từ <https://nld.com.vn/kinh-te/kinh-te-tu-nhan-la-dong-luc-quan-trong-20190501205225948.htm>
4. Hà Minh (2018). *KTTN đang “vướng” những rào cản nào?*, truy cập từ <http://vneconomy.vn/kinh-te-tu-nhan-dang-vuong-nhung-rao-can-nao-20180320083031579.htm>
5. Nguyễn Hồng Sơn (2018). *Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Những rào cản và giải pháp khắc phục*, truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/phan-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-nhung-rao-can-va-giai-phap-khac-phuc-135561.html>